

Bản án số: 40/2023/KDTM-ST

Ngày: 08/06/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP . HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông **Lại Hữu Tâm**

2) Ông **Vũ Huy Hoàng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 06 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST-KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2023/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 05 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; Trụ sở: số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trịnh Lê Hoài Đ**; Địa chỉ liên lạc: Tầng A, tòa nhà A, số I C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo văn bản ủy quyền lập ngày 02/03/2023)_có mặt;

Bị đơn: Công ty TNHH S; Trụ sở: số D N, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông **Quách Thế A**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh_vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Quách Thế A**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: số B P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh_vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần TMCP Việt Nam T có người đại diện là ông Trịnh Lê Hoài Đ trình bày:

Công ty TNHH S (địa chỉ: số D N, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh G theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EGD/17/0119/HĐHM ngày 16/08/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/8/2017; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 08/11/2017 và các khế ước nhận nợ, các văn bản có liên quan, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EGD/17/0119/HĐHM ngày 16/08/2017: số tiền vay: 900.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng (bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần nhưng dư nợ tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức cho vay). Ngân hàng đã giải ngân thẻ hiện qua 12 khế ước nhận nợ sau:

+ Khế ước nhận nợ Lần: 01/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-01 ngày 16/08/2017, số tiền vay 335.899.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 18,2 %/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 16/08/2017, ngày đến hạn: 16/08/2018; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 02/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-02 ngày 21/08/2017, số tiền vay 325.349.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 18,2 %/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 21/08/2017, ngày đến hạn: 21/08/2018; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 03/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-3 ngày 30/08/2017, số tiền vay 113.282.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 18,2 %/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 30/08/2017, ngày đến hạn: 30/08/2018; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 4/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-4 ngày 15/09/2017, số tiền vay 76.681.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 18,2 %/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 15/09/2017, ngày đến hạn: 15/09/2018; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 05/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-05 ngày 05/10/2017, số tiền vay 100.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 17,8%/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 05/10/2017, ngày đến hạn: 05/10/2018; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 06/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-06 ngày 08/11/2017, số tiền vay 80.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 17,8%/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 08/11/2017, ngày đến hạn: 08/11/2018; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 07/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-07 ngày

23/11/2017, số tiền vay 70.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 17,8%/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 23/11/2017, ngày đến hạn: 23/11/2018; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 08/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-08 ngày 03/01/2018, số tiền vay 96.237.237 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 18,7%/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 03/01/2018, ngày đến hạn: 03/01/2019; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 09/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-09 ngày 24/01/2018, số tiền vay 92.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 18,7%/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 24/01/2018, ngày đến hạn: 24/01/2019; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 10/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-10 ngày 06/03/2018, số tiền vay 146.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 17,8%/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 06/03/2018, ngày đến hạn: 06/03/2019; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 11/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-11 ngày 04/04/2018, số tiền vay 80.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 17,8%/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 04/04/2018, ngày đến hạn: 04/04/2019; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 12/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-12 ngày 10/05/2018, số tiền vay 167.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 17,8%/năm, điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần; ngày giải ngân: 10/05/2018, ngày đến hạn: 10/05/2019; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 08/11/2017 với hạn mức 90.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ 60 tháng.

Các khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Quách Thế A theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGD/17/0119/HĐBL ngày 16/08/2017. Theo hợp đồng bảo lãnh này, ông A cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản của mình cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH S phát sinh từ các hợp đồng, văn bản tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH S.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty TNHH S để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH S cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH S phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 08/06/2023 là 1.892.861.202 đồng (Một tỷ tám trăm chín mươi hai triệu tám trăm sáu mươi một nghìn hai trăm lẻ hai đồng), trong đó: nợ gốc là: 639.321.018 đồng; nợ lãi là: 895.633.491 đồng và nợ thẻ là: 357.906.693 đồng, gồm các khoản nợ như sau:

+ Khế ước nhận nợ Lần: 01/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-01 ngày 16/08/2017:
Gốc: 55.977.638 đồng; lãi: 77.380.842 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 02/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-02 ngày 21/08/2017:
Gốc: 54.219.000 đồng; lãi: 74.809.163 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 03/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-3 ngày 30/08/2017:
Gốc: 18.872.000 đồng; lãi: 25.950.653 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 4/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-4 ngày 15/09/2017:
Gốc: 19.081.000 đồng; lãi: 26.485.914 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 05/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-05 ngày 05/10/2017:
Gốc: 32.000.000 đồng; lãi: 44.417.180 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 06/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-06 ngày 08/11/2017:
Gốc: 31.000.000 đồng; lãi: 43.251.793 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 07/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-07 ngày 23/11/2017:
Gốc: 29.050.000 đồng; lãi: 40.517.030 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 08/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-08 ngày 03/01/2018:
Gốc: 56.137.237 đồng; lãi: 75.923.962 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 09/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-09 ngày 24/01/2018:
Gốc: 53.500.000 đồng; lãi: 76.869.640 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 10/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-10 ngày 06/03/2018:
Gốc: 109.490.000 đồng; lãi: 152.756.333 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 11/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-11 ngày 04/04/2018:
Gốc: 66.600.000 đồng; lãi: 93.170.550 đồng.

+ Khế ước nhận nợ Lần: 12/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-12 ngày 10/05/2018:
Gốc: 113.394.143 đồng; lãi: 164.100.431 đồng.

+ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 08/11/2017: Gốc: 89.722.132 đồng; lãi: 268.184.561 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 09/06/2023 Công ty TNHH S vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán đủ số nợ nêu trên, ông Quách Thế A phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản vay, khoản thẻ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGD/17/0119/HĐBL ngày 16/08/2017.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty TNHH S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Quách Thế A nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do và

cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là Công ty TNHH S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Quách Thế A vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo hợp lệ. Do bị đơn là Công ty TNHH S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Quách Thế A vắng mặt tại phiên tòa (mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Thế A là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S trả tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Bị đơn Công ty TNHH S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Quách Thế A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH S và ông Quách Thế A.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V2) yêu cầu bị đơn Công ty TNHH S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 08/06/2023 là 1.892.861.202 đồng (Trong đó nợ gốc là 729.043.150 đồng và nợ lãi 1.163.818.052 đồng); yêu cầu Công ty TNHH S vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán đủ số nợ nêu trên, ông Quách Thế A phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản vay, khoản thẻ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGD/17/0119/HDBL ngày 16/08/2017.

Xét thấy các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có phản đối do đó căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì nguyên đơn không cần phải chứng minh cho yêu

cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EGD/17/0119/HĐHM ngày 16/08/2017, các Khế ước nhận nợ gồm Khế ước nhận nợ Lần: 01/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-01 ngày 16/08/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 02/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-02 ngày 21/08/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 03/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-3 ngày 30/08/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 4/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-4 ngày 15/09/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 05/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-05 ngày 05/10/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 06/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-06 ngày 08/11/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 07/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-07 ngày 23/11/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 08/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-08 ngày 03/01/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 09/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-09 ngày 24/01/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 10/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-10 ngày 06/03/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 11/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-11 ngày 04/04/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 12/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-12 ngày 10/05/2018 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 08/11/2017 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V2) và Công ty TNHH S trên cơ sở tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, các thỏa thuận trong hợp đồng có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã giải ngân và Công ty TNHH S đã nhận đủ số tiền vay theo đúng Hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền là 1.168.419.532 đồng, trong đó tiền gốc đã thanh toán được là 1.043.127.219 đồng và tiền lãi là 125.292.313 đồng.

Kể từ thời điểm quá hạn cho đến nay, Công ty TNHH S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho V2.

Căn cứ Bảng tổng hợp dư nợ do Ngân hàng Thương mại cổ phần V cung cấp, tính đến ngày 08/06/2023 Công ty TNHH S chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V nợ gốc 729.043.150 đồng và nợ lãi là 1.163.818.052 đồng, tổng cộng là 1.892.861.202 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V buộc Công ty TNHH S phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 1.892.861.202 đồng, yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh trong quá trình

trả nợ được tính tiếp theo từ ngày 09/06/2023 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ là có cơ sở và phù hợp với các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm mà các bên đã ký kết, phù hợp với Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên chấp nhận.

Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGD/17/0119/HDBL ngày 16/08/2017 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và ông Quách Thế A có cơ sở xác định khoản vay nêu trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang của ông Quách Thế A. Do đó, trường hợp Công ty TNHH S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho V2 thì ông Quách Thế A phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Quách Thế A, cùng chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản. Số tiền chênh lệch (nếu có) được trả lại cho ông Quách Thế A là phù hợp với Điều 335, khoản 2 Điều 336, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với Công ty TNHH S.

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 1.892.861.202 đồng (Một tỷ tám trăm chín mươi hai triệu tám trăm sáu mươi một nghìn hai trăm lẻ hai đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EGD/17/0119/HĐHM ngày 16/08/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 01/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-01 ngày 16/08/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 02/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-02 ngày 21/08/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 03/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-3 ngày 30/08/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 4/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-4 ngày 15/09/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 05/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-05 ngày 05/10/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 06/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-06 ngày 08/11/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 07/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-07 ngày 23/11/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 08/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-08 ngày 03/01/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 09/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-09 ngày 24/01/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 10/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-10 ngày 06/03/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 11/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-11 ngày 04/04/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 12/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-12 ngày 10/05/2018 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 08/11/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty TNHH S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EGD/17/0119/HĐHM ngày 16/08/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 01/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-01 ngày 16/08/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 02/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-02 ngày 21/08/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 03/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-3 ngày 30/08/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 04/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-4 ngày 15/09/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 05/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-05 ngày 05/10/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 06/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-06 ngày 08/11/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 07/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-07 ngày 23/11/2017, Khế ước nhận nợ Lần: 08/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-08 ngày 03/01/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 09/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-09 ngày 24/01/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 10/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-10 ngày 06/03/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 11/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-11 ngày 04/04/2018, Khế ước nhận nợ Lần: 12/số: SME/EGD/17/0119/HĐHM-12 ngày 10/05/2018 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 08/11/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty TNHH S có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

3. Trường hợp Công ty TNHH S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì ông Quách Thế A phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Quách Thế A, cùng chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản. Số tiền chênh lệch (nếu có) được trả lại cho ông Quách Thế A.

4. Về án phí: Công ty TNHH S chịu 68.785.836 đồng (Sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 18.408.546 đồng (Mười tám triệu bốn trăm lẻ tám nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng) đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0006911 ngày 04 tháng 03 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

- **Nơi nhận:**

- TANDTP.HCM.
- VKSNDTP.HCM.
- VKSND Huyện Bình Chánh.
- Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Bình Chánh.
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Hải